

Số: 146/KH-MNHL

Huổi Lèng, ngày 15 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ công văn số 24/2021/NĐ- CP ngày 23/3/2021 nghị định quy định về quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 4445/UBND-KGVX ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2165/KH-SGDĐT ngày 29/8/2025 của sở GDĐT Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 294/QĐ-UBND ngày 28/ 8/2025 UBND xã Mường Tùng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường mầm non Huổi Lèng xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường năm 2025 - 2026 như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024 (năm học 2024-2025)

I. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Xã Huổi Lèng có 03 dân tộc (Mông, Hoa, Kinh) với 643 hộ và 3681 nhân khẩu. Là xã 135, đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao chiếm trên 54,17%

Kinh tế - xã hội trên địa bàn xã hàng năm liên tục phát triển, đời sống của nhân dân được nâng lên. Tập trung chủ yếu vào phát triển nông nghiệp.

Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tạo động lực thúc đẩy lao động, sản xuất phần đầu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và luôn ổn định, nhân dân các dân tộc luôn có tinh thần đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, chính sách đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và các qui định của địa phương.

Các dân tộc sống trên địa bàn xã luôn giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc của Tây Bắc.

Cùng với sự phát triển về mọi mặt trong xã - giáo dục trong những năm gần đây đã ổn định về quy mô tiến bộ về chất lượng giáo dục toàn diện. Đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, đồng bộ về cơ cấu. Bộ mặt của nhà trường khang trang sạch đẹp, cơ sở vật chất đầy đủ trang thiết bị dạy học được đầu tư đáp ứng được với việc đổi mới chương trình giáo dục.

Sự nghiệp giáo dục trường Mầm non Huổi Lèng lại được sự quan tâm sâu sắc của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và các ban ngành đoàn thể trong xã. Đặc biệt với sự quan tâm sâu sát của ngành giáo dục huyện Mường Chà đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất và chuyên môn .

Phụ huynh: Đa số có nhận thức đúng đắn về giáo dục, đã quan tâm đến giáo dục con em.

Khó khăn: Thời tiết diễn biến bất thường (nắng nóng, gió lốc, mưa lũ); dịch bệnh diễn biến phức tạp, dịch tả lợn Châu Phi... đã làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của Nhân dân. Tình hình di dịch cư tự do, lợi dụng tôn giáo truyền đạo trái pháp luật, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, tai tệ nạn xã hội... còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa cố gắng vươn lên thoát nghèo. Chính những khó khăn trên đã ảnh hưởng đến duy trì sĩ số học sinh, tỷ lệ học sinh chuyên cần, công tác xã hội hóa giáo dục... của Giáo dục và Đào tạo của địa phương nói chung cũng như trường Mầm non Huổi Lèng nói riêng.

II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 (năm học 2024-2025)

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

1.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, quyết định, văn bản của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh liên quan đến Giáo dục và đào tạo

- Nhà trường đã thực hiện tốt các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, văn bản của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh liên quan đến Giáo dục và đào tạo.

1.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo

a. Về quy mô trường, lớp, tỷ lệ huy động

- Quy mô trường, lớp

Số lượng trường: 1

Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GDĐT huyện, ngay từ đầu tháng 8/2024 nhà trường làm công tác tuyển sinh trẻ đúng độ tuổi mầm non và phân chia vào các lớp theo từng độ tuổi. Tỷ lệ thực hiện từng loại chỉ tiêu cụ thể như sau:

Khối lớp	Số lớp	Học sinh	Nữ	Dân tộc	So với KH (%)	So với cùng kì năm trước
Nhà trẻ	8	184	79	156	+13,6%	+1,7%
Mẫu giáo	13	285	141	302	-5,9	0
Cộng	21	469	220	458	+3,9%	+1,7%
Riêng MG 5 tuổi	10	95	43	97	-6,9	0

- Tỷ lệ huy động trên địa bàn:

Trẻ 0-5 tuổi: Huy động 319/410 dân số độ tuổi, đạt tỷ lệ: 77,6%

+ Tổng số trẻ 0-2 tuổi: Huy động 116/207 trẻ địa bàn, đạt tỷ lệ: 56%

+ Tổng số trẻ 3-5 tuổi: Huy động 206/206 trẻ địa bàn (4 trẻ đi học nơi khác, 1 trẻ nơi khác đến học)

Trong đó: 5 tuổi: Huy động 72/72 trẻ ra lớp đạt 100% (01 trẻ đi học nơi khác)

- Duy trì sĩ số và tổ chức cho trẻ học hai buổi trên ngày 319/319 đạt 100%

- Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Kết quả: Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo và nhà trẻ vượt chỉ tiêu giao.

b. Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục:

*** *Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ***

Nhà trường đã triển khai, quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ trong công tác đảm bảo an toàn tuyệt đối. Và triển khai thực hiện nghiêm túc TT 45/2021/TT- BGDDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.

Nhà trường đã thành lập đoàn kiểm tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, chỉ đạo khắc phục những yếu tố nguy cơ mất an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại trường, lớp.

*** *Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

*** *Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

- Các biện pháp triển khai làm tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho trẻ.

+ Trong năm học nhà trường tổ chức ăn bán trú là: 21 nhóm, lớp với 469/469 trẻ đạt 100%. Trong đó:

Nấu ăn tập trung hoàn toàn tại trường: 469/469 đạt 100%

Tổng số trẻ học 2 buổi/ ngày 469/469 trẻ đạt 100%

Trẻ ăn ngủ tại trường, chất lượng chăm sóc được nâng lên, không xảy ra ngộ độc thực phẩm tại trường.

Xây dựng thực đơn khẩu phần cho các lớp bán trú phù hợp với trẻ và theo khả năng đóng góp thực tế của phụ huynh. Thực hiện đúng đủ chế độ cho trẻ, có hồ sơ theo dõi hàng ngày.

Thực hiện mô hình “ giáo dục rửa tay bằng xà phòng” hướng dẫn cho GV biết được các bước rửa tay để dạy trẻ, giữ gìn môi trường sinh hoạt, dụng cụ ăn

uống, đồ dùng, đồ chơi của trẻ sạch sẽ chống 1 số bệnh lây lan và gây nguy hiểm đến tính mạng trẻ.

100% trẻ đến lớp có đủ giày/dép, quần áo mặc theo mùa.

Nâng cao chất lượng: Nhà trường có kế hoạch hàng tháng, tuần bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên hạn chế.

Nâng cao chất lượng học sinh là một trong những tiêu chí hàng đầu xếp loại giáo viên.

Công tác chăm sóc sức khỏe nuôi dưỡng: Nhà trường kết hợp với y tế theo dõi, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/ 1 năm. Thực hiện cân đo theo dõi biểu đồ 4 lần/năm. Tỷ lệ trẻ được kiểm tra sức khỏe và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng 450/450 đạt 100% Trong đó:

Xây dựng thực đơn khẩu phần cho các lớp bán trú phù hợp với trẻ và theo khả năng đóng góp thực tế của phụ huynh.

Thực hiện đúng đủ chế độ cho trẻ, có hồ sơ theo dõi hàng ngày.

Trường có 21/21 nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch đúng thời gian, phù hợp với lứa tuổi, với khả năng của trẻ.

- Việc đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, công tác y tế trường học.

Y tế đã xây dựng kế hoạch trong công tác y tế trường học theo ngày, tuần, tháng và năm. Có bảng biểu tuyên truyền về sức khỏe cho trẻ suy dinh dưỡng và béo phì tới phụ huynh học sinh.

Y tế học đường, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, thực hiện lưu mẫu thức ăn để phòng ngộ độc cho trẻ được thực hiện tốt.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 3 lần/ 1 năm.

Kết quả chất lượng chăm sóc cụ thể:

Bình thường: 457/469 trẻ đạt 97,4%

SDD thể nhẹ cân: 12/469 trẻ chiếm 2,5%

SDD thể nhẹ cân mức độ nặng: 0/469 trẻ chiếm 0%

+ Chiều cao:

Bình thường: 457/469 trẻ đạt 97,4%

SDD thể thấp còi: 12/469 trẻ chiếm 2,5%

SDD thể thấp còi mức độ nặng: 0/469 trẻ chiếm 0%

Bé khỏe: 457/469 đạt 97,4%

Bé ngoan: 462/469 đạt 98,5%

Bé chăm: 460/469 đạt 98%

Bé sạch: 462/469 đạt 98,5%

Bé an toàn: 469/469 trẻ đạt 100%

*** Công tác giáo dục.**

Trường có 21/21 nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo thông tư 17 và điều chỉnh theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non

ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nhà trường đã tổ chức các buổi tập huấn cho giáo viên giáo viên về cách xây dựng kế hoạch đúng thời gian, phù hợp với lứa tuổi, với khả năng của trẻ và lựa chọn lồng ghép, tích hợp nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

BGH thường xuyên giám sát, kiểm tra việc xây dựng và đánh giá trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

- Triển khai chuyên đề “ Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” “ chương trình tôi yêu Việt Nam”...

Nhà trường lên mục tiêu chung, duyệt kế hoạch năm học, tháng, tuần và ngày. Giám sát việc thực hiện giáo dục lấy trẻ làm trung tâm qua kiểm tra, giám sát, thi giảng

Trường tăng cường bồi dưỡng chuyên đề cho đội ngũ giáo viên mầm non, 100% giáo viên được bồi dưỡng chuyên đề phát triển vận động, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Đã coi trọng phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, phát triển các giác quan và tâm vận động của trẻ.

Thực hiện tốt công tác tham mưu đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyên phát triển vận động cho trẻ .

Phát động phong trào làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ chuyên đề.

Chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền về chuyên đề tại các nhóm, lớp.

Nhà trường đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra chuyên đề, đánh giá xếp loại chuyên đề.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để cho giáo viên học tập lẫn nhau qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề về phát triển vận động cho trẻ và thực hành luyện tập

Có 21/21 nhóm, lớp có góc phát triển vận động, có đồ dùng, đồ chơi tương đối đủ cho trẻ chơi tập.

Có 21/21 nhóm, lớp có góc tuyên truyền phát triển vận động, và có kế hoạch tuyên truyền tới phụ huynh học sinh theo tuần, tháng.

- Các biện pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số:

Tăng cường dạy tiếng việt cho trẻ vào các buổi chiều và lồng ghép vào các hoạt động trong ngày.

Dạy tiếng việt cho trẻ mọi lúc, mọi nơi, trong các hoạt động

Tuyên truyền với các bậc phụ huynh dạy cho trẻ ngôn ngữ tiếng việt khi ở nhà.

- Trẻ được đánh giá theo giai đoạn 184/184 trẻ; trẻ đạt 176/184 đạt 95,7%; trẻ chưa đạt 8/184 trẻ chiếm 4,3%.

- Trẻ được đánh giá theo chủ đề 285/285 trẻ đạt 100% trong đó:

+ 3 tuổi: Tổng số trẻ: 91 trẻ; Trẻ được đánh giá: 91/91 trẻ đạt 100%; Trẻ đạt mục tiêu: 89/91 trẻ đạt 97,8%; trẻ chưa đạt 2/91 trẻ chiếm 2,2%

+ 4 tuổi: Tổng số trẻ: 99 trẻ; Trẻ được đánh giá: 99/99 trẻ đạt 100%; Trẻ đạt mục tiêu: 98/99 trẻ đạt 99%; trẻ chưa đạt 1/99 trẻ chiếm 1,0%

+ 5 tuổi: Tổng số trẻ: 95 trẻ; Trẻ được đánh giá: 95/95 trẻ đạt 100%; Trẻ đạt mục tiêu: 95/95 trẻ đạt 100%.

c. Tình hình phát triển đôi ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường: 40

Trong đó: - Cán bộ quản lý: 03 đ/c;

- Giáo viên: 34;

- Nhân viên: 03

+ Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ: $1/40 = 2,5\%$

- Đại học: $34/40 = 85 \%$;

- Cao đẳng: $3/40 = 7,5\%$;

- Trung cấp: 0% ;

- Chưa qua đào tạo: $2/40 = 5\%$

Thuận lợi: Với số giáo viên hiện có và số trẻ thực tế của nhà trường, theo quy định thì nhà trường đủ giáo viên.

Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn cao, giáo viên có ý thức tu dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nắm bắt tốt chương trình giáo dục mầm non, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Khó khăn: 1 số giáo viên mới ra trường kinh nghiệm còn hạn chế, trường có nhiều điểm lẻ lên khó khăn trong việc học hỏi chuyên môn.

d. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường đã chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phấn đấu các tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Đặc biệt là tiêu chí chất lượng đội ngũ giáo viên và học sinh để trường phấn đấu đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 (Căn cứ công văn số 725/PGDDĐT-CMMN ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;)

a) Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm

(1) Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp:

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 21 nhóm, lớp với 469 học sinh.

- Thuận lợi:

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp từng giai đoạn từng năm học theo sự chỉ đạo của Phòng GD-ĐT, theo đặc điểm tình hình của nhà trường và dân số độ tuổi của địa phương

- Khó Khăn:

Tỷ lệ các lớp ghép chiếm đa số. Một số lớp ghép tỷ lệ học sinh cao.

Các phòng chức năng và lớp học tại điểm trung tâm đã xuống cấp

- Đề xuất, kiến nghị các cấp:

UBND xã bố trí quỹ đất để xây dựng đảm bảo m²/ trẻ

(2) *Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp:* - Nhà trường đã thực hiện theo đúng chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; thực hiện quy chế làm việc và văn hóa công sở.

Nhà trường luôn nêu cao tinh thần người đứng đầu phải gương mẫu, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở giáo viên, nhân viên, người lao động, người học thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức, nề nếp, kỷ cương trường học; có biện pháp ngăn ngừa, can thiệp hỗ trợ kịp thời không để xảy ra tình trạng giáo viên, nhân viên và người lao động vi phạm đạo đức.

Nhà trường luôn nhắc nhở giáo viên, nhân viên và người lao động phải nêu cao tinh thần tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ. Khắc phục tình trạng quản lý, giáo dục “quyền uy”, áp đặt đối với học sinh. Đặc biệt, các cô giáo phải có ý thức và trách nhiệm giữ gìn hình ảnh, uy tín, danh dự người cô; luôn “tự soi”, “tự sửa”; thường xuyên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc và văn hóa công sở.

Trong năm học 2024 - 2025 trường không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vi phạm.

- Nhà trường đã thực hiện theo thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Tỷ lệ giáo viên trong biên chế nhà nước, hợp đồng lao động; lương giáo viên hợp đồng lao động; tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo, mẫu giáo 5 tuổi;

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên 40 đồng chí trong đó:

Cán bộ quản lý: 3/3 đồng chí

Nhân viên: 3 đồng chí

Giáo viên: 34/34 đồng chí trong biên chế

Nhóm trẻ: 13/8 đạt tỷ lệ 1,6 giáo viên/lớp

Mẫu giáo: 21/13 đạt tỷ lệ 1,6 giáo viên/lớp

- Trong năm học 2024 - 2025 nhà trường không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc diện tinh giản biên chế.

- Công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ.

Nhà trường đã làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trường có 100% cán bộ quản lý, giáo viên có chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo quy định; Có 37/37 cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ chuẩn và trên chuẩn theo thông tư 01/2021 và thông tư 52/2020 điều lệ Trường mầm non và luật giáo dục số 43/2019; 27/29 cán bộ quản lý, giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp loại khá trở nên theo thông tư 25/2018 và thông tư 26/2018.

Năm học 2024 - 2025 trường có 3 giáo viên tham gia đào tạo nâng chuẩn. Có 8 giáo viên đã được cấp bằng đại học.

Trường có 37/37 đạt 100% cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá, xếp loại đạt về bồi dưỡng thường xuyên.

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo thông tư 25/2018 và chuẩn giáo viên theo thông tư 26/2018 kết quả như sau:

- 100% nhân viên nuôi dưỡng được tham gia tập huấn nấu ăn.

(3) Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả của giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc.

** Quản lý chuyên môn*

- Nhà trường đã thực hiện triển khai và thực hiện theo đúng các văn bản chỉ đạo chuyên môn các cấp.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện theo công văn số 725/PGDĐT-CMMN ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

- Kết quả chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

** Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe*

- Các biện pháp triển khai làm tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho trẻ.

+ Trong năm học nhà trường tổ chức ăn bán trú là: 21 nhóm, lớp với 469/469 trẻ đạt 100%. Trong đó:

Nấu ăn tập trung hoàn toàn tại trường: 469/469 đạt 100%

Tổng số trẻ học 2 buổi/ ngày 469/469 trẻ đạt 100%

Trẻ ăn ngủ tại trường, chất lượng chăm sóc được nâng lên, không xảy ra ngộ độc thực phẩm tại trường.

Xây dựng thực đơn khẩu phần cho các lớp bán trú phù hợp với trẻ và theo khả năng đóng góp thực tế của phụ huynh. Thực hiện đúng đủ chế độ cho trẻ, có hồ sơ theo dõi hàng ngày.

Thực hiện mô hình “ giáo dục rửa tay bằng xà phòng” hướng dẫn cho GV biết được các bước rửa tay để dạy trẻ, giữ gìn môi trường sinh hoạt, dụng cụ ăn uống, đồ dùng, đồ chơi của trẻ sạch sẽ chống 1 số bệnh lây lan và gây nguy hiểm đến tính mạng trẻ.

100% trẻ đến lớp có đủ giày/dép, quần áo mặc theo mùa.

Nâng cao chất lượng: Nhà trường có kế hoạch hàng tháng, tuần bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên hạn chế.

Nâng cao chất lượng học sinh là một trong những tiêu chí hàng đầu xếp loại giáo viên.

Công tác chăm sóc sức khỏe nuôi dưỡng: Nhà trường kết hợp với y tế theo dõi, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/ 1 năm. Thực hiện cân đo theo dõi biểu đồ 4 lần/ năm. Tỷ lệ trẻ được kiểm tra sức khỏe và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng 469/469 đạt 100% Trong đó:

Xây dựng thực đơn khẩu phần cho các lớp bán trú phù hợp với trẻ và theo khả năng đóng góp thực tế của phụ huynh.

Thực hiện đúng đủ chế độ cho trẻ, có hồ sơ theo dõi hàng ngày.

Trường có 21/21 nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch đúng thời gian, phù hợp với lứa tuổi, với khả năng của trẻ.

- Việc đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, công tác y tế trường học.

Y tế đã xây dựng kế hoạch trong công tác y tế trường học theo ngày, tuần, tháng và năm. Có bảng biểu tuyên truyền về sức khỏe cho trẻ suy dinh dưỡng và béo phì tới phụ huynh học sinh.

Y tế học đường, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, thực hiện lưu mẫu thức ăn để phòng ngộ độc cho trẻ được thực hiện tốt.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 4 lần/ 1 năm, theo dõi sổ theo dõi sức khỏe đánh giá 3 lần/năm, lưu sổ chuyên môn 4 lần/ năm. 100% số trẻ đến lớp được theo dõi sức khỏe thường xuyên bằng biểu đồ phát triển về cân nặng và chiều cao, được tiêm chủng phòng bệnh và uống Vitamin A, thuốc tẩy giun đầy đủ theo đúng quy định của y tế.

Kết quả chất lượng chăm sóc cụ thể:

Tổng số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ: 469/469 đạt 100%.

Tổng số trẻ được khám sức khỏe định kỳ: 469/469 đạt 100%.

Bình thường: 457/469 trẻ đạt 97,4%

SDD thể nhẹ cân: 12/469 trẻ chiếm 2,5%

SDD thể nhẹ cân mức độ nặng: 0/469 trẻ chiếm 0%

+ Chiều cao:

Bình thường: 457/469 trẻ đạt 97,4%

SDD thể thấp còi: 12/469 trẻ chiếm 2,5%

SDD thể thấp còi mức độ nặng: 0/469 trẻ chiếm 0%

Bé khỏe: 457/469 đạt 97,4%

Bé ngoan: 462/469 đạt 98,5%

Bé chăm: 460/469 đạt 98%

Bé sạch: 462/469 đạt 98,5%

Bé an toàn: 469/469 trẻ đạt 100%

** Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non*

Trường có 21/21 nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo thông tư 17 và điều chỉnh theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nhà trường đã tổ chức các buổi tập huấn cho giáo viên giáo viên về cách xây dựng kế hoạch đúng thời gian, phù hợp với lứa tuổi, với khả năng của trẻ và lựa chọn lồng ghép, tích hợp nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

BGH thường xuyên giám sát, kiểm tra việc xây dựng và đánh giá trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

- Triển khai chuyên đề “ Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” “ chương trình tôi yêu Việt Nam”...

Nhà trường lên mục tiêu chung, duyệt kế hoạch năm học, tháng, tuần và ngày. Giám sát việc thực hiện giáo dục lấy trẻ làm trung tâm qua kiểm tra, giám sát, thi giảng

Trường tăng cường bồi dưỡng chuyên đề cho đội ngũ giáo viên mầm non, 100% giáo viên được bồi dưỡng chuyên đề phát triển vận động, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. .

Đã coi trọng phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, phát triển các giác quan và tâm vận động của trẻ.

Thực hiện tốt công tác tham mưu đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyên phát triển vận động cho trẻ .

Phát động phong trào làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ chuyên đề.

Chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền về chuyên đề tại các nhóm, lớp.

Nhà trường đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra chuyên đề, đánh giá xếp loại chuyên đề.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để cho giáo viên học tập lẫn nhau qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề về phát triển vận động cho trẻ và thực hành luyện tập

Có 21/21 nhóm, lớp có góc phát triển vận động, có đồ dùng, đồ chơi tương đối đủ cho trẻ chơi tập.

Thực hiện dạy chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non”; lồng ghép ở các hoạt động, các buổi sinh hoạt chuyên môn.

Có 21/21 nhóm, lớp có góc tuyên truyền phát triển vận động, và có kế hoạch tuyên truyền tới phụ huynh học sinh theo tuần, tháng.

Sau khi thực hiện chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non” trường đã đạt kết quả như sau:

Giáo viên đã biết xây dựng và lựa chọn các bài tập phù hợp với điều kiện cụ thể của từng lớp. Ngoài ra, giáo viên cũng đã biết lồng ghép vào các chủ đề, các hoạt động trong ngày thuần thực.

- Các biện pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số:

Tăng cường dạy tiếng việt cho trẻ vào các buổi chiều và lồng ghép vào các hoạt động trong ngày.

Dạy tiếng việt cho trẻ mọi lúc, mọi nơi, trong các hoạt động

Tuyên truyền với các bậc phụ huynh dạy cho trẻ ngôn ngữ tiếng việt khi ở nhà.

- Trẻ được đánh giá theo giai đoạn 184/184 trẻ; trẻ đạt 176/184 đạt 95,7%; trẻ chưa đạt 8/184 trẻ chiếm 4,3%.

- Trẻ được đánh giá theo chủ đề 285/285 trẻ đạt 100% trong đó:

+ 3 tuổi: Tổng số trẻ: 91 trẻ; Trẻ được đánh giá: 91/91 trẻ đạt 100%; Trẻ đạt mục tiêu: 89/91 trẻ đạt 97,8%; trẻ chưa đạt 2/91 trẻ chiếm 2,2%

+ 4 tuổi: Tổng số trẻ: 99 trẻ; Trẻ được đánh giá: 99/99 trẻ đạt 100%; Trẻ đạt mục tiêu: 98/99 trẻ đạt 99%; trẻ chưa đạt 1/99 trẻ chiếm 1,0%

+ 5 tuổi: Tổng số trẻ: 95 trẻ; Trẻ được đánh giá: 95/95 trẻ đạt 100%; Trẻ đạt mục tiêu: 95/95 trẻ đạt 100%.

** Công tác y tế trường học*

Y tế đã xây dựng kế hoạch trong công tác y tế trường học theo ngày, tuần, tháng và năm. Có bảng biểu tuyên truyền về sức khỏe cho trẻ suy dinh dưỡng và béo phì tới phụ huynh học sinh.

Y tế học đường, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, thực hiện lưu mẫu thức ăn để phòng ngộ độc cho trẻ được thực hiện tốt.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 3 lần/ 1 năm, theo dõi sổ theo dõi sức khỏe đánh giá 3 lần/năm. 100% số trẻ đến lớp được theo dõi sức khỏe thường xuyên bằng biểu đồ phát triển về cân nặng và chiều cao, được tiêm chủng phòng bệnh và uống Vitamin A, thuốc tẩy giun đầy đủ theo đúng quy định của y tế.

Y tế học đường đã tham mưu nhà trường xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh.

Y tế trường đã xây dựng quy chế phối hợp với trạm y tế xã Mường Tù trong công tác phòng, chống dịch bệnh; khám sức khỏe cho trẻ. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm các nhóm, lớp vệ sinh trong và ngoài lớp học, vệ sinh môi trường. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học trung tâm và các điểm bản.

Y tế đã phối hợp nhà trường tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh về cách phòng, chống, cách đeo khẩu trang...

Phối hợp với bảo vệ, giáo viên tổ chức đo thân nhiệt, giữ khoảng cách và hướng dẫn cách đeo khẩu trang khi trẻ đến trường.

Hạn chế: Việc tiến hành đo thân nhiệt hàng ngày cho trẻ đến trường còn khó khăn.

Nguyên nhân: Trường có nhiều điểm trường lẻ, số lượng đo thân nhiệt không đủ cho các điểm trường.

** Kết quả giáo dục dân tộc*

Nhà trường đã triển khai thực hiện Quyết định số /QĐ-TTg ngày 2/6/2016 của PGD về phê duyệt Đề án “ Tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2021 và định hướng đến 2025” tới 100% cán bộ giáo viên và thực hiện tăng cường tiếng việt cho 469/469 học sinh dân tộc thiểu số.

Nhà trường đã tích cực tham mưu xã xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số. Cũng như trong việc thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số như: Chú trọng xây dựng môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt để trẻ có nhiều cơ hội thực hành; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ bám sát trình độ phát triển của trẻ, triển khai áp dụng các phương pháp dạy tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS,... Nhờ đó khả năng sử dụng tiếng Việt của trẻ, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi được nâng lên. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án trong các cấp ủy đảng, chính quyền, cộng đồng, cha mẹ trẻ, giáo viên và học sinh về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số.

Nhà trường đã huy động sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các lực lượng xã hội khác như: trường bản, Hội Khuyến học, Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ... vận động các gia đình người dân tộc thiểu số cho con em trong độ tuổi đến trường mầm non, tiểu học học 2 buổi/ngày và đi học chuyên cần đạt trên 98%.

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về tiếng Việt cho cha, mẹ trẻ em là người dân tộc thiểu số, cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số để xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng.

Nhà trường đã tổ chức triển khai, tập huấn, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chuyên môn thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số

Giáo viên đã đi đúng phương pháp và biết lồng ghép việc tăng cường tiếng Việt vào các hoạt động trong ngày của trẻ.

100% trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt.

** Hạn chế và nguyên nhân*

Điều kiện sinh hoạt của giáo viên còn nhiều khó khăn; một số giáo viên gặp khó khăn trong tổ chức tăng cường tiếng Việt cho trẻ mà nguyên nhân chính là do bất đồng ngôn ngữ giữa cô và trẻ.

Số lượng học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, phần lớn các lớp học tại các xã vùng đặc biệt khó khăn đa số học sinh là người DTTS, tỉ lệ học sinh dân tộc Kinh thấp, môi trường giao tiếp tiếng Việt hạn chế.

Ở các điểm bản xa trung tâm cha mẹ trẻ, cộng đồng xung quanh trẻ là người DTTS, ít sử dụng tiếng Việt nên chưa tạo được môi trường giao tiếp tiếng Việt thường xuyên cho trẻ trong gia đình và cộng đồng nơi trẻ sinh sống.

(4) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Nhà trường đã khai thác các phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục, cập nhật đầy đủ, đúng thời gian. Xây dựng bài giảng trực tuyến qua ứng dụng zoom tập huấn việc xây dựng kế hoạch CSGD trẻ, cách đánh giá trẻ, xây dựng phiếu hướng dẫn phụ huynh dạy trẻ tại nhà...

Năm học 2024 - 2025 trường đã Nhà trường đã thực hiện chữ ký số, xây kế hoạch bồi dưỡng thực hiện nâng cao năng lực ứng dụng CNTT đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT tại thông tư số 03/2014/BTTTT ngày 11/3/2014; kỹ năng khai thác sử dụng các phần mềm do Bộ và sở Giáo dục đào tạo cung cấp; kỹ năng sử dụng phần mềm trình chiếu, phần mềm hỗ trợ soạn giảng tương tác, phần mềm dạy học...; kỹ năng xây dựng bài giảng e-learning, khai thác nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên internet... Tính đến thời điểm hiện tại trường có 33/35 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ tin học cơ bản. Trường có 30/30 giáo viên biết soạn giảng, làm hồ sơ trên máy tính; 17/34 giáo viên biết thiết kế thành thạo bài giảng elearning và trình chiếu.

Mỗi giáo viên mỗi tháng phải có 1 bài giảng trình chiếu. Giáo viên biết sử dụng bài giảng điện tử trong thi giảng, trong sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các phần mềm. Đăng tải sự kiện, tài liệu, bài giảng, bài trình chiếu vào trang Web của trường. Cập nhật thông tin đầy đủ kịp thời vào các phần mềm như Pmis, phổ cập GDMN, CSDL quốc gia.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các phần mềm. Đăng tải sự kiện, tài liệu, bài giảng, bài trình chiếu vào trang Web của trường.

Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

+ Khó khăn, hạn chế:

Một số bài viết chất lượng bài viết chưa cao

Hình ảnh, tư liệu chưa phong phú

(5) Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục.

Căn cứ Nghị định 71/1998-NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/04/1998 và Quyết định 04/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/3/2000, Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp, quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Quyết định số 103/QĐ-UBND tỉnh ngày 05/02/2018 của UBND tỉnh; thông tư 36/2017/TT-BGD-ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 thực hiện 3 công khai giáo dục... Do đó, các kế hoạch năm học, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, kế hoạch mua sắm trang thiết bị... đều được triển khai dân chủ bàn bạc cụ thể trước khi quyết định, đơn vị thực hiện đầy đủ ba công khai theo quy định của ngành. Tạo điều kiện cho Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên tham gia góp ý công tác quản lý của nhà trường, góp ý Ban giám hiệu theo định kỳ đúng qui định.

Tổ chức tốt Hội nghị cán bộ công chức viên chức và người lao động vào đầu năm học theo đúng hướng dẫn của Phòng.

Các chế độ về lương và các khoản phụ cấp, các chế độ như thai sản, nghỉ phép, công tác phí... đều được chi trả cho CBGV kịp thời, đầy đủ, đúng theo các quy định của Nhà nước.

Xây dựng được kế hoạch hoạt động của nhà trường, quản lý kế hoạch dạy và học và các hoạt động giáo dục theo biên chế năm học, tổ chức các hoạt động giáo dục theo Điều lệ Trường mầm non, xây dựng và tổ chức bộ máy nhà trường.

Đánh giá hoạt động của Hội đồng trường trong trường :

Hội đồng trường đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và năm học.

Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường; giới thiệu người đề bổ nhiệm lại làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

(7) *Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.*

Nhà trường đã triển khai thực hiện nghị định 86/NĐ-CP ngày 6/6/2018 của thủ tướng chính phủ về hợp tác đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

(8) *Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo:*

Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Phòng tạm
21	8	11	2

- Số lượng phòng học xây dựng từ đầu năm học 2021 – 2022: 2 Phòng là phòng tạm

- Phòng chức năng, thư viện:

Phòng chức năng				Phòng Thư viện			
TS	Kiên cố	Bán KC	Tạm	TS	Kiên cố	Bán KC	Tạm
1	0	0	1	0	0	0	0

- Phòng công vụ cho giáo viên, phòng nội trú cho học sinh

Phòng công vụ					Phòng nội trú			
T số	Kiên cố	Bán KC	Tạm	Nhu cầu	T Số	Kiên cố	Bán Kc	Tạm
3	0	3	0	3	0	0	0	0

- Công trình vệ sinh:

T số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhu cầu xây mới
10	1	8	1	1

Số trường có công trình nước đạt chuẩn: 1

Nhà trường đã tham mưu với PGD mua sắm thiết bị, đồ dùng – đồ chơi đúng theo thông tư 02, sửa đổi bổ sung của thông tư 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 09 năm 2013.

Thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản của các nhóm, lớp. Thực hiện rà soát, kiểm kê vào cuối học kỳ I và cuối năm học.

Hạn chế: Nhà trường vẫn còn 1 số nhà vệ sinh tạm và chưa đủ số bồn cầu/trẻ tại các điểm bản

Nguyên nhân: Đường không vận chuyển được vật liệu vào bản, chưa có kinh phí.

Nhà trường đã triển khai thực hiện Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 2/6/2016 của thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án “ Tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến 2025” tới 100% cán bộ giáo viên và thực hiện tăng cường tiếng việt cho 466/469 học sinh dân tộc thiểu số.

100% trẻ dân tộc thiểu số học 2 buổi/ngày; chương trình giáo dục mầm non.

(9) *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao:* Nhà trường đã triển khai việc thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

Nhà trường đã duy trì chuẩn phổ cập trẻ 5 tuổi, triển khai và thực hiện tốt công tác tổng điều tra PCMN 5 tuổi trên địa bàn xã, phân công nhiệm vụ cho từng giáo viên điều tra đến từng thôn bản, nhập dữ liệu vào phần mềm đảm bảo thời gian quy định.

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Thực hiện tốt công tác báo cáo, thống kê theo đúng quy định, đầy đủ, chính xác, kịp thời, quản lý tốt các số liệu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Phân công đội ngũ CBGV-CNV theo đúng chức năng, nhiệm vụ, xây dựng đầy đủ quy chế, nội quy cơ quan, chỉ đạo tốt việc xây dựng nề nếp làm việc của cơ quan.

b) Đối với 05 nhóm giải pháp cơ bản

(1) *Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo:*

Nhà trường đã triển khai, tuyên truyền, thực hiện công tác cải cách hành chính theo: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính;

Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động, ghi biên bản cuộc họp chính xác đầy đủ. Giảm các thủ tục rườm rà không cần thiết.

Các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác CCHC cụ thể, kịp thời giúp cho CCHC tại đơn vị được tiến hành khoa học và hiệu quả.

Công khai cơ sở vật chất, và thu chi tài chính trên trang thông tin điện tử và bảng thông báo của đơn vị.

Nhà trường có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, có kế hoạch cân đối sử dụng ngân sách.

Nhà trường có số điện thoại và hòm thư góp ý.

(2) *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp:*

Nhà trường có 1 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đảm bảo số lượng theo

quy định của điều lệ trường mầm non. Có 3/3 đồng chí có trình độ chuyên môn đại học, thạc sĩ; có năng lực chuyên môn; có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục; chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước, hạng chức danh nghề nghiệp; có bằng sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị...

100% cán bộ quản lý thực hiện tốt kỷ cương, kỷ luật, đạo đức, lối sống của nhà giáo.

Thực hiện sử dụng biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, số lượng người làm việc theo thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Thực hiện đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non thông tư 25, và nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức Kết quả cụ thể như sau:

Đánh giá, xếp loại viên chức quản lý: Xuất sắc: 1/3 đồng chí; Tốt 2/3 đồng chí

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp: Xếp loại tốt: 3 đồng chí;

(3) Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo:

Nhà trường đã triển khai và thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.

Luôn đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc chỉ đạo, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2022; công khai kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm 2022; thực hiện công khai phân bổ, sử dụng có hiệu quả ngân sách năm 2022; xây dựng dự toán ngân sách đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác

(4) Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục:

Nhà trường đã thực hiện triển khai thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Sử dụng phần mềm Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non (ProSoft.QA).

Trường đã tham mưu với UBND các cấp cùng với ngành quan tâm đầu tư CSVC. Nhà trường tiếp tục xây dựng các tiêu chí để đạt trường chuẩn quốc gia theo lộ trình.

(5) Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo:

Nhà trường đã thực hiện tham mưu và phối hợp tốt trong việc truyền thông với các chính quyền, ban ngành, đoàn thể và phụ huynh học sinh về huy động học sinh ra lớp, học sinh ăn bán trú, tu sửa cơ sở vật chất...

Hình thức truyền thông qua các buổi họp giao ban, họp hội đồng, họp phụ huynh đầu năm và lồng ghép trong các hội thi.

c) Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh; chính sách đối với giáo viên; hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước...

100% giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ phụ cấp khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non như: Chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp, chế độ nâng lương, nâng ngạch, chế độ thai sản, BHXH của công chức, viên chức.

Nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý theo Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ và nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách của nhà nước cho học sinh dân tộc như: Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của chính phủ về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số ít người. Nghị định 86/2015/ND-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015. Nghiên cứu và thực hiện miễn giảm học phí với trẻ giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01/01/2018 theo công văn số 1898/UBND-KGVX ngày 7/7/2017 của UBND tỉnh.

Tuyên truyền vận động để cha mẹ trẻ sử dụng có hiệu quả kinh phí được hỗ trợ phục vụ cho chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

*** Hạn chế:**

Tỷ lệ các lớp ghép chiếm đa số. Một số lớp ghép tỷ lệ học sinh cao.

Quỹ đất tại bản Nậm Chua, Trung Đình 2 chưa đảm bảo m2/trẻ

Nhà vệ sinh 1 số điểm bản còn tạm, chưa đủ số bệ/trẻ

Điều kiện sinh hoạt của giáo viên còn nhiều khó khăn; một số giáo viên gặp khó khăn trong tổ chức tăng cường tiếng Việt cho trẻ mà nguyên nhân chính là do bất đồng ngôn ngữ giữa cô và trẻ.

Số lượng học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao

Công nghệ thông tin chất lượng các bài viết còn chưa cao.

Hình ảnh, tư liệu chưa phong phú

*** Nguyên nhân**

Đường đi lại khó khăn nên không vận chuyển được vật liệu lên bản. Kinh phí chưa có

Phần lớn các lớp học tại các xã vùng đặc biệt khó khăn đa số học sinh là người DTTS, tỉ lệ học sinh dân tộc Kinh thấp, môi trường giao tiếp tiếng Việt hạn chế.

Ở các điểm bản xa trung tâm cha mẹ trẻ, cộng đồng xung quanh trẻ là người DTTS, ít sử dụng tiếng Việt nên chưa tạo được môi trường giao tiếp tiếng Việt thường xuyên cho trẻ trong gia đình và cộng đồng nơi trẻ sinh sống.

III. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, ước thực hiện năm 2024

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu phí lệ phí, thu sự nghiệp

- Năm học 2023 - 2024 nhà trường không thực hiện thu phí lệ phí, thu sự nghiệp.

- Năm học 2024 - 2025 nhà trường không thực hiện thu phí lệ phí, thu sự nghiệp.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách giáo dục và đào tạo tại địa phương

Nhà trường chủ động trong việc chi ngân sách theo Luật ngân sách và các văn bản quy định hiện hành.

Năm 2023

- Tổng chi ngân sách nhà nước: 6.273,27 triệu đồng

+ Số thu phí, lệ phí được để lại: 0 triệu đồng

- Chi ngân sách nhà nước:

+ Chi thường xuyên sự nghiệp: 5.091,78 triệu đồng Trong đó:

Chi lương: 4.359,83 triệu đồng

Chi phí chuyên môn: 0 triệu đồng

Chi mua sắm, sửa chữa: 435,88 triệu đồng

Chi khác: 296,07 triệu đồng

Chi các chế độ cho học sinh (Ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập): 1.095,99 triệu đồng

Chi chế độ giáo viên (lớp ghép): 85,5 triệu đồng

Năm 2024

- Tổng chi ngân sách nhà nước: 7.489,71 triệu đồng

+ Số thu phí, lệ phí được để lại: 0 triệu đồng

- Chi ngân sách nhà nước:

+ Chi thường xuyên sự nghiệp: 6.443,15 triệu đồng Trong đó:

Chi lương: 5.595,59 triệu đồng

Chi phí chuyên môn: 0 triệu đồng

Chi mua sắm, sửa chữa: 461,6 triệu đồng

Chi khác: 385,96 triệu đồng

Chi các chế độ cho học sinh (Ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học sinh khuyết tật): 957,13 triệu đồng

Chi chế độ giáo viên (lớp ghép): 89,43 triệu đồng

Dự ước năm 2025 (Năm học 2025 - 2026)

- Dự ước tổng thu, chi ngân sách nhà nước - Chi thường xuyên sự nghiệp năm 2025: 10.980,24 triệu đồng

- Kế hoạch dự toán ngân sách năm 2025: 10.980,24 triệu đồng

+ Chi lương và các khoản đóng góp theo lương: 7.359,53 triệu đồng

+ Chi cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp: 623,38 triệu đồng

+ Chi mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học: 536,36 triệu đồng

+ Các khoản chi khác: 286,39 triệu đồng

Chi không thường xuyên: 2.174,57 triệu đồng

Chi các chế độ cho học sinh (Ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học sinh khuyết tật): 2.068,47 triệu đồng

Chi chế độ giáo viên (lớp ghép): 106,11 triệu đồng
- Khó khăn, vướng mắc: Giáo viên có sự biến động đầu năm so với cuối năm dẫn đến dự ước hoạt động chi thường xuyên bị thiếu

3. Đánh giá thực hiện chi ngân sách thường xuyên cho GDĐT.

- Kế hoạch dự toán ngân sách năm 2025:

+ Chi lương và các khoản đóng góp theo lương: 7.359,53 triệu đồng

+ Chi cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp: 623,38 triệu đồng

+ Chi mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học: 536,36 triệu đồng

+ Các khoản chi khác: 286,39 triệu đồng

- Đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục:

Nằm trên địa bàn dân số chủ yếu làm nông nghiệp, đời sống còn khó khăn, ảnh hưởng dịch bệnh, thiên tai nên việc thực hiện xã hội hóa còn gặp nhiều khó khăn và cơ bản chưa đáp ứng.

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy- HĐND- UBND xã vận động ngày giờ công lao động nhân dân tu sửa cơ sở vật chất, xây nhà vệ sinh tại bản Ma Lù Thàng 1, làm bếp tại bản Nậm Chua, sửa nhà vệ sinh tại các điểm bản
Tổng số ngày công mà cộng đồng, nhân dân đóng góp: 750 ngày

a) Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo về số đối tượng thụ hưởng và kinh phí chi trả gồm:

- Nhà trường đã thực hiện công văn 126/PGDĐT-CMMN ngày 26 tháng 2 năm 2024 V/v hướng dẫn xét duyệt chế độ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3,4,5 tuổi năm học 2024 – 2025. Xét duyệt chế độ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi năm học 2024– 2025 và trẻ được xét duyệt là 283 trẻ.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện công văn số 712/CV-PGDĐT ngày 14 tháng 09 năm 2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo Mường Chà về việc triển khai thực hiện Nghị định số 81/2021 Nghị định chính phủ ngày 21 tháng 8 năm 2021. Tổng số trẻ được hỗ trợ chi phí học tập 283 trẻ; miễn giảm học phí 170 trẻ, miễn học phí 113 trẻ.

+ Chế độ lớp ghép đối với giáo viên: 21 giáo viên

b) Về kết quả thực hiện các chương trình, dự án năm 2024, giai đoạn 2019-2024

Nhà trường đã làm tốt công tác chi đầu tư cho giáo dục đào tạo trong tổng chi ngân sách của địa phương năm 2024 và giai đoạn 2019-2024 (*chi tiết theo biểu đính kèm*)

Nhà trường đã thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra với các nội dung Chương trình Kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2019-2024; chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn giai đoạn 2019-2024,

Nhà trường không có các chương trình, dự án ODA mà địa phương được thụ hưởng, Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ...

(*chi tiết theo biểu đính kèm*)

c) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo Luật đầu tư công: Nhà trường không có đầu tư công theo Luật đầu tư công.

d) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, tăng cường cơ sở vật chất sử dụng kinh phí sự nghiệp.

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, tăng cường sửa chữa cơ sở vật chất theo đúng kế hoạch đề ra.

(chi tiết theo biểu đính kèm)

4. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất về cơ chế chính sách trong quản lý đầu tư, tài chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Không

Phần 2

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 – 2026

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022 đã được UBND tỉnh giao tại quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm học 2021. Trường mầm non Huổi Lèng dự ước dự ước kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục, thu chi ngân sách giáo dục năm 2025 như sau:

I. Thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo

1. Các chỉ tiêu được giao năm 2025 (năm học 2025-2026)

Năm học 2025– 2026, kế hoạch giao cụ thể như sau:

Tổng số nhóm, lớp: 21 Trong đó: Nhóm trẻ: 8; lớp mẫu giáo: 13; lớp mẫu giáo 5 tuổi: 10

Tổng số học sinh: 466. Trong đó: Trẻ từ 3 đến 36 tháng: 191; trẻ 3-5 tuổi: 275 cháu; trẻ 5 tuổi 101 cháu.

Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp/dân số độ tuổi: 81%

Tỷ lệ trẻ mầm non là nữ : 49,50%

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân : 2,20%

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi : 2,20%

Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp : 60%

Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp : 99,7%

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đến trường được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội : 100%

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên : 40

2. Dự ước kết quả thực hiện

2.1. Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục:

Tổng số nhóm, lớp: 21 Trong đó: Nhóm trẻ: 8; lớp mẫu giáo: 13; lớp mẫu giáo 5 tuổi: 10

Tổng số học sinh: 467 Trong đó: Trẻ từ 3 đến 36 tháng: 191; trẻ 3-5 tuổi: 275 cháu; trẻ 5 tuổi 101 cháu.

2.2. Về quy mô học sinh, công tác tuyển sinh:

Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GDĐT huyện, đầu năm học nhà trường làm công tác tuyển sinh trẻ đúng độ tuổi mầm non và phân chia vào các lớp theo từng độ tuổi.

Tỷ lệ thực hiện từng loại chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Trẻ nhà trẻ 13 – 36 tháng: 191/191 trẻ, đạt 100%
- Trẻ mẫu giáo (3-5 tuổi): 276/276 trẻ, đạt 100 %.
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 101/101 trẻ, đạt 100%.
- Trẻ 0-5 tuổi: Huy động 467/625 trẻ địa bàn, đạt tỷ lệ: 75%
- Số học sinh bình quân/lớp: $466/21 = 22,1$ (trong đó nhóm trẻ $191/8 = 23,8$

mẫu giáo $275/13 = 21,1$)

Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

2.3. *Chất lượng chăm sóc, giáo dục:*

* *Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ:*

- Đảm bảo an toàn cho trẻ, làm tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh và công tác y tế trường học.

- Phối hợp với trạm y tế xã tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm học.

Theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm so với kế hoạch đăng ký đầu năm.

- Tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường, tỷ lệ trẻ ăn bán trú phần đầu đạt 100%.

- Xây dựng thực đơn theo mùa phù hợp với khẩu vị của trẻ, phù hợp với khả năng cung ứng thực phẩm tại địa phương, cân đối tỷ lệ giữa các chất dinh dưỡng.

- Hợp đồng thực phẩm để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân : 2,20%

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi : 2,20%

Kết quả chăm sóc: Phần đầu đạt trên 96%

* *Công tác giáo dục.*

Tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, mua sắm đầy đủ đồ dùng đồ chơi thiết bị giáo dục theo yêu cầu.

Kết quả về chất lượng trẻ đạt mục tiêu theo các lĩnh vực GDMN: Phần đầu đạt trên 95%

* *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.*

100% cán bộ quản lý, giáo viên tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý cũng như việc dạy và học. Có các sản phẩm tham gia dự thi các cấp và đạt kết quả cao: Đạt giải “Hội thi đồ dùng đồ chơi tự” làm cấp trường (1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải ba, 28 KK)

2.4. *Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.*

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường: 40

Trong đó:- Cán bộ quản lý: 03 đ/c;

- Giáo viên: 34

- Nhân viên: 03

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: $1/40 = 2,5\%$ Đại học: $35/40 = 87,5\%$; Cao đẳng: $3/40 = 7,5\%$; Trung cấp: 0; Chưa qua đào tạo: $2/40 = 5\%$

Cán bộ quản lý: 3/3 đồng chí

Nhân viên: 3/3 đồng chí

Giáo viên: 34/34 đồng chí trong biên chế

Nhóm trẻ: 13/8 đạt tỷ lệ 1,6 giáo viên/lớp

Mẫu giáo: 21/13 đạt tỷ lệ 1,6 giáo viên/lớp

2.5. Thực hiện chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

- 100% giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ phụ cấp khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non như: Chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp, chế độ nâng lương, nâng ngạch, chế độ thai sản, BHXH của công chức, viên chức.

- Trẻ em được hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của chính phủ về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số ít người. Nghị định 86/2015/ND-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015. Nghiên cứu và thực hiện miễn giảm học phí với trẻ giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01/01/2018 theo công văn số 1898/UBND-KGVX ngày 7/7/2017 của UBND tỉnh.

3. Các chỉ tiêu cần thực hiện điều chỉnh và nguyên nhân phải điều chỉnh

Điều chỉnh số học sinh huy động ra lớp: Giảm 2 học sinh của mẫu giáo

Nguyên nhân: Trẻ chuyển đi học xã khác

II. Dự ước tình hình thu chi ngân sách giáo dục năm 2025

- Việc thực hiện thu chi ngân sách năm 2025 của trường đúng theo

Luật ngân sách và các văn bản quy định hiện hành.

- Dự ước tổng thu, chi ngân sách nhà nước - Chi thường xuyên sự nghiệp năm 2025: 10.980,24 triệu đồng

- Kế hoạch dự toán ngân sách năm 2025: 10.980,24 triệu đồng

+ Chi lương và các khoản đóng góp theo lương: 7.359,53 triệu đồng

+ Chi cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp: 623,38 triệu đồng

+ Chi mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học: 536,36 triệu đồng

+ Các khoản chi khác: 286,39 triệu đồng

Chi không thường xuyên: 2.174,57 triệu đồng

Chi các chế độ cho học sinh (Ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học sinh khuyết tật): 2.068,47 triệu đồng

Chi chế độ giáo viên (lớp ghép): 106,11 triệu đồng

Phần 3

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 3 NĂM 2024-2026, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2022-2026

I. Kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm 2025

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Điện Biên

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ban hành về điều lệ trường mầm non; thông tư 19/2018/ TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

- Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 10 năm 2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 10 năm 2018 ban hành quy định chuẩn nghiệp giáo viên mầm non;

- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư 50/TT-BGDĐT về ban hành chương trình làm quen với tiếng anh cho trẻ em mẫu giáo; thông tư 51/2020/BGDĐT ngày 31/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư 17/ 2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi bổ sung của thông tư 28/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 06 tháng 05 năm 2019 kế hoạch thực hiện đề án phát triển giáo dục mầm non huyện Mường Chà giai đoạn 2018 – 2025;

- Công văn số 104/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2019 kế hoạch thực hiện Đề án “ Phát triển Giáo dục mầm non huyện Mường Chà giai đoạn 2018 – 2025”

Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2025-2030;

2. Xây dựng các chỉ tiêu phát triển giáo dục

a. Quy mô trường lớp, học sinh năm học 2025 - 2026

Tổng số: 21 nhóm, lớp.

Trong đó: Nhóm trẻ: 08 nhóm; Mẫu giáo: 13 lớp

Tổng số học sinh: 467

- Nhà trẻ 191/191 cháu, tỷ lệ huy động 100%

- Mẫu giáo: 276/276 cháu, tỷ lệ huy động 100% . Trong đó:

Trẻ 5 tuổi: 101/101 cháu tỷ lệ huy động 100%

100% trẻ được học 2 buổi/ ngày và được tổ chức ăn bán trú tại trường.

b. Biên chế đội ngũ:

Tổng số cán bộ quản lý giáo viên nhân viên: 40

Trong đó: CB quản lý: 03; giáo viên: 34; nhân viên: 03

Trình độ: Thạc sỹ 1; Đại học: 34; cao đẳng: 3 đ/c; trung cấp: 0; chưa qua đào tạo: 2 đồng chí.

c. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ

* Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng :

Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.

Quản lý chất lượng bữa ăn, huy động các nguồn lực để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ. Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị theo quy định.

Đảm bảo 100% trẻ đến trường được ăn bán trú, kiểm tra sức khỏe và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng. Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 4,0% và giảm so với đầu năm học.

** Công tác giáo dục:*

Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Tập trung các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo Chương trình GDMN phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

Tham gia tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; dạy học theo hướng nghiên cứu bài học và trải nghiệm. Lựa chọn các lớp chỉ đạo thực hiện điểm.

d. Cơ sở vật chất:

Số phòng học hiện có: 21 phòng; Nhu cầu tối thiểu: 21 phòng.

Trong đó: Kiên cố: 8 phòng; bán kiên cố: 11 phòng; tạm: 2 phòng

Bếp ăn bán trú: Nhà trường có kế hoạch sửa chữa thay mái, trần tôn, sơn tường, lát nền. Tu sửa bếp ăn tại các điểm bản vùng cao

Số phòng Phó hiệu trưởng hiện có: 0; Nhu cầu tối thiểu: 03 phòng (thiếu 03 phòng).

Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

e. Phổ cập GDMNTT5T

Phấn đấu duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT với những chỉ tiêu cụ thể sau:

Có đủ phòng học đạt chuẩn cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi; các lớp mẫu giáo 5 tuổi đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu; 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn và được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

Huy động số trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; 100% số trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày.

100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN (MG 5- 6 tuổi), được dạy tăng cường tiếng Việt.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt từ 98% trở lên;

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) và thấp còi (chiều cao theo tuổi) không quá 2,20%.

f. Xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia

Tiếp tục tham mưu với UBND các cấp cùng với ngành quan tâm đầu tư CSVC. Phấn đấu xây dựng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức độ I

g. Kiểm định chất lượng giáo dục

Hàng năm thu thập minh chứng tự đánh giá trường mầm non theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Sử dụng phần mềm Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non (ProSoft.QA).

h. Công tác xã hội hoá giáo dục

Xây dựng 100% nhóm lớp đạt “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”

Huy động các khoản thu XHH từ cha mẹ học sinh theo các văn bản của Tỉnh, Huyện Phòng với các nội dung: Hỗ trợ xây dựng CSVC, hỗ trợ các hoạt động phong trào; huy động đóng góp tổ chức ăn trưa cho trẻ.

Tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương, với Hội đồng GD cấp xã, thị trấn với các ban ngành đoàn thể huy động các nguồn lực phát triển giáo dục của nhà trường, huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường, xây dựng nội dung phối hợp giữa nhà trường với ban đại diện cha mẹ học sinh, với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ, tổ chức các hội thi, các hoạt động Lễ hội được tổ chức trong năm học.

3. Xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của địa phương, của ngành giáo dục năm học 2026-2027.

3.1. Nhiệm vụ

** Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, quy mô học sinh các cấp học:*

Tổng số: 21 nhóm, lớp.

Trong đó: Nhóm trẻ: 08 nhóm; Mẫu giáo: 13 lớp

Tổng số học sinh: 466

- Nhà trẻ 191/191 cháu, tỷ lệ huy động 100%

- Mẫu giáo: 275/275 cháu, tỷ lệ huy động 100% . Trong đó:

Trẻ 5 tuổi: 101/101 cháu tỷ lệ huy động 100%

Tỷ lệ trẻ em là nữ $230/466 = 49,2\%$

- Số học sinh tuyển mới 105

** Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*

- Chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, tăng cường áp dụng phương pháp dạy học theo hướng tích cực trong nhà trường.

- Nâng tỷ lệ chất lượng giáo dục lên trên 96%.

- Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Tập trung các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo Chương trình GDMN phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương

** Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*

- Có kế hoạch cho giáo viên đi học để đạt trình độ trên chuẩn.

- Tổ chức cho giáo viên tham gia bồi dưỡng giáo viên trong buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề và tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra hoạt động giảng dạy của giáo viên, tư vấn về chuyên môn cho giáo viên.

** Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, xây dựng cảnh quan môi trường; xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng*

- Tham mưu với các cấp, tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để xây dựng phòng học kiên cố, phòng chức năng, phòng làm việc cụ thể (xây 1 lớp học kiên cố, xây bếp ăn 1 chiều các điểm bản)

- Nhà trường tham mưu với các cấp cấp đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định.

- Tiếp tục tham mưu với UBND các cấp cùng với ngành quan tâm đầu tư CSVC. Phân đầu xây dựng các tiêu chí phân đầu đạt chuẩn quốc gia mức độ I

** Công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ*

Phân đầu duy trì đạt chuẩn PCGDMTNT

** Công tác xã hội hóa giáo dục*

- Tuyên truyền cho tất cả người dân hiểu được quan điểm đường lối giáo dục của Đảng, các chế độ chính sách của Đảng và nhà nước đối với học sinh miền núi.

- Huy động các lực lượng trong xã hội phối hợp cùng với nhà trường làm tốt công tác giáo dục.

** Công tác thông tin, truyền thông*

Tiếp tục phối hợp với các ban ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương tăng cường thông tin, truyền thông về giáo dục mầm non và tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn cán bộ giáo viên thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục mầm non; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức phù hợp qua nhiều hình thức khác nhau như: Buổi họp phụ huynh, băng dôn, góc tuyên truyền, loa trường....

** Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên:*

Thực hiện đúng, đủ và kịp thời các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3.2. Giải pháp

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH&HĐH trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”.

2. Đẩy mạnh thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”. Chỉ thị số 33/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục với những nội dung cụ thể. Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”

3. Tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ sư phạm, trình độ chuyên môn và tay nghề của cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập các Quy chế, Nội quy của đơn vị.

5. Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD-ĐT Điện Biên và của Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Mường Chà.

6. Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo để mở rộng và cấp bìa cho 100m² đất, xây dựng bổ sung các phòng học và phòng chức năng còn thiếu, các công trình phụ trợ theo hướng chuẩn; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục.

7. Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng, rà soát các điều trong quy chế để sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo không khí thi đua khách quan, hiệu quả. Tiếp tục duy trì phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” xây dựng và duy trì tốt các mối quan hệ trong trường, giữa nhà trường và xã hội.

II. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2025 và Kế hoạch tài chính 3 năm 2024-2026, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2022-2026

- Việc thực hiện thu chi ngân sách năm 2025 của trường đúng theo Luật ngân sách và các văn bản quy định hiện hành.

- Kế hoạch dự toán ngân sách năm 2025: 10.980,24 triệu đồng

+ Chi lương và các khoản đóng góp theo lương: 7.359,53 triệu đồng

+ Chi cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp: 623,38 triệu đồng

+ Chi mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học: 536,36 triệu đồng

+ Các khoản chi khác: 286,39 triệu đồng

III. Những đề xuất, kiến nghị

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như: Nhà bếp, nhà vệ sinh, các phòng chức năng tại các điểm bản, theo hướng kiên cố hóa.

Trên đây là kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Huổi Lèng./.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Hà